

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-12-2022

Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Huệ;

Ông Lý Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt

+ Bị đơn: Bà Đào Thị L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Văn H trình bày:

Ông và bà Đào Thị L được tự do yêu đương, tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hỏi ông và bà L sinh sống cùng nhau tại khu phố A (nay là tổ dân phố số B) thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái, đến khoảng năm 1998, ông và bà L chuyển nhà lên thôn C (nay là tổ dân phố số N), thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái, tháng 8 năm 2017, ông và bà L chuyển về sinh sống tại thôn D (nay là thôn C), xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái sinh sống. Ông và bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình

cảm với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2012 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Đào Thị L.

Về con chung: Ông và bà Đào Thị L có ba con chung là Đinh Quang N, sinh năm 1988, Đinh Huy H1, sinh năm 1990 và Đinh Ba H2, sinh năm 1997. Các con đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đinh Văn H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bị đơn là bà Đào Thị L trình bày:

Bà và ông Đinh Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đinh Văn H.

Về con chung: Bà và ông Đinh Văn H có ba con chung là Đinh Quang N, sinh năm 1988, Đinh Huy H1, sinh năm 1990 và Đinh Ba H2, sinh năm 1997. Các con đã thành niên, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thị L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái, thể hiện: Ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái từ tháng 8 năm 2017 đến nay. Ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái, thể hiện: Ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L, quá trình sinh sống tại thị trấn MA, huyện VY, tỉnh Yên Bái không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà Đào Thị L vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Đinh Văn H; Về con chung: Các con đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L; Về con chung: Các con của ông H và bà L đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra vấn đề giải quyết; Về án phí: Ông Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đinh Văn H có đơn khởi kiện về việc Ly hôn (không công nhận vợ chồng) với bà Đào Thị L cư trú tại: Thôn C, xã M, huyện VY, tỉnh Yên Bái và Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái giải quyết việc hôn nhân của ông H và bà L. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Đào Thị L có đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đào Thị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình công nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tại địa phương nơi ông H và bà L sinh sống xác nhận ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (bút lục 24, 25). Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Ông H và bà L chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay không đăng ký kết hôn, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Từ những phân tích trên thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Đào Thị L của ông Đinh Văn H là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H, xử không công nhận ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L có ba con chung là Đinh Quang N, sinh năm 1988, Đinh Huy H1, sinh năm 1990 và Đinh Ba H2, sinh năm 1997. Các con đã thành niên, ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Đinh Văn H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đinh Văn H và bà Đào Thị L là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003164 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VY, tỉnh Yên Bái. Xác nhận ông H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị L không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đinh Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đào Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HS,TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương